TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **491**/2026/QĐST-VHNGĐ	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213, Điều 147 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 364/2026/TLST-VHNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con sau ly hôn" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Bà **Lê Thị Mỹ H**, sinh năm 1976.

Số Căn cước công dân: 079176013237; ngày cấp: 12/01/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ: C tổ I, ấp C, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Ông **Lê Văn T**, sinh năm 1976.

Số Căn cước công dân: 079076014155; ngày cấp: 08/4/2024

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ: C tổ I, ấp C, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 19 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị Mỹ H và ông Lê Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Mỹ H và ông Lê Văn T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 146, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/12/2002 không còn giá trị về mặt pháp lý.

2.2 Về con chung: Bà Lê Thị Mỹ H và ông Lê Văn T có 02 (hai) con chung tên là Lê Ngọc Thành T1 (giới tính nữ) sinh ngày 27/6/2003 (đã trưởng thành) và Lê Ngọc Phương N (giới tính nữ), sinh ngày 15/10/2010.

Sau khi ly hôn, giao con chung là trẻ Lê Ngọc Phương N (giới tính nữ), sinh ngày 15/10/2010 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung là trẻ Lê Ngọc Phương N mỗi tháng 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Bà Lê Thị Mỹ H và ông Lê Văn T thực hiện việc giao và nhận tiền cấp dưỡng nuôi con vào ngày 27 dương lịch hàng tháng, thời gian bắt đầu thực hiện từ ngày 27/3/2026 cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng cho con được chấm dứt theo quy định của pháp luật.

Trường hợp ông T không thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con theo thỏa thuận thì bà H có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành việc ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Kể từ khi bà H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì ông T phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích con chung khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này.

2.3 Về tài sản chung: Bà Lê Thị Mỹ H và ông Lê Văn T xác nhận tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2.4 Về nợ chung: Bà Lê Thị Mỹ H và ông Lê Văn T xác nhận không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2.5 Về lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Bà Lê Thị Mỹ H và ông Lê Văn T thỏa thuận mỗi người chịu 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013831 ngày 04/3/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lê Thị Mỹ H và ông Lê Văn T đã nộp đủ tiền lệ phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự (2).
- VKSND TP.HCM (1).
- VKSND KV10-TP.HCM (1).
- THADS TP.HCM (1).
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (5).

THẨM PHÁN

Châu Nguyễn Thanh Thảo

2 000025 432204